

Bản án số:11/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24/11/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nông Thúy Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. bà Nguyễn Thị Xuân

2. ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trung Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Chiềng Thị S, sinh năm 1996.

Nơi ĐKKHKT: thôn 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: thôn 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2022 và Bản tự khai ngày 18/10/2022, Nguyên đơn chị Chiềng Thị S trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 26/8/2014 tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Những mâu thuẫn trên đã thật sự sâu sắc, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Chiềng Thị S và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 29/9/2012 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/11/2014. Nay ly hôn, chị S đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi các cháu trưởng thành. Chị S sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia B với số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 10/2022 đến khi cháu trưởng thành và có quyền qua lại thăm nom các con chung không ai được phép cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Chiềng Thị S và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí Tòa án: chị Chiềng Thị S xin chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Văn T. Nhưng anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng.

Ngày 17/10/2022, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Trà M và cháu Nguyễn Gia B. Kết quả, được biết chị Chiềng Thị S và anh Nguyễn Văn T hiện không còn ở với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nguyên vọng của các cháu khi bố mẹ ly hôn là muốn được ở với bố là anh Nguyễn Văn T.

Ngày 20/10/2022, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của chị Chiềng Thị S và anh Nguyễn Văn T. Qua xác minh, đại diện chính quyền địa phương cho biết: chị Chiềng Thị S và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 26/8/2014 tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, chị S và anh T sinh sống đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã. Chị S và anh T đã ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Hiện nay chị S đã bỏ đi, không còn chung sống cùng anh T nữa. Những mâu thuẫn giữa chị S và anh T đã thật sự sâu sắc, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: chị Chiềng Thị S và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 29/9/2012 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/11/2014. Hiện nay 02 cháu đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 1,

xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh và đang ở với anh T, do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do chính đáng.

- Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chiềng Thị S. Về tình cảm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh T. Về con chung: hiện cả 02 cháu Nguyễn Trà M và Nguyễn Gia B đang sinh sống cùng anh T, do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của 02 cháu muốn được ở với anh T, mặt khác chị S đề nghị Tòa án giao 02 cháu cho anh T nuôi dưỡng, do đó đề nghị Tòa án giao 02 cháu Nguyễn Trà M và Nguyễn Gia B cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia B với số tiền 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: chị Chiềng Thị S và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung và nợ chung, chị S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa án không xét giải quyết. Nguyên đơn, chị Chiềng Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: đây là tranh chấp hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại thôn 1, xã Đ, huyện H, do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

Chị Chiềng Thị S có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là anh Nguyễn Văn T. Nhưng anh T vắng mặt trong toàn

bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Việc Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh T, chị S có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, nội dung tự khai của chị Chiềng Thị S, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: ngày 26/8/2014, chị Chiềng Thị S và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn và chung sống theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn một thời gian thì cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2019 cả hai không thể tiếp tục chung sống, nên đã ly thân. Từ đó đến nay, cuộc sống vợ chồng thực tế không diễn ra, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án cho thấy anh T cũng không có ý thức xây dựng gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ nội dung xác minh tại chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T đã kéo dài, cả hai không có biện pháp khắc phục. Thấy rằng tình trạng mâu thuẫn giữa chị S và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh T là phù hợp với thực trạng quan hệ hôn nhân của anh, chị; phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: chị Chiềng Thị S và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 29/9/2012 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/11/2014. Quá trình giải quyết vụ án, chị S đề nghị Tòa án giao 02 cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị S sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B với số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 10/2022 đến khi cháu trưởng thành.

Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị Chiềng Thị S và anh Nguyễn Văn T, nhận thấy, hiện chị S đang đi làm thuê, không có nơi ở ổn định; không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Mặt khác, các cháu Nguyễn Trà M, Nguyễn Gia B hiện đang sinh sống cùng anh T, do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi anh và chị S ly thân (từ tháng 8/2019 đến nay). Anh T đã có nhà cửa ổn định, có việc làm và thu nhập để đảm bảo việc nuôi dưỡng các con; nguyện vọng của các cháu là muốn được ở với bố. Do đó, để đảm bảo các cháu Nguyễn Trà M, Nguyễn Gia B được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, cũng như không làm xáo trộn cuộc sống và tâm lý của trẻ em, cần giao các cháu cho anh

T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Chiềng Thị S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia B với số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi cháu trưởng thành.

Do đó, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chiềng Thị S về vấn đề con chung, giao các cháu Nguyễn Trà M, Nguyễn Gia B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Chiềng Thị S phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia B với số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 10/2022 đến khi cháu trưởng thành và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị Chiềng Thị S và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: nguyên đơn chị Chiềng Thị S phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

-Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Chiềng Thị S:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Chiềng Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: giao 02 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 29/9/2012 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/11/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 10/2022 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Chiềng Thị S phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia B với số tiền 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng/1 tháng), kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi cháu B trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, không ai được phép cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Chiềng Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013599 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Chị Chiềng Thị S phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: chị Chiềng Thị S và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thúc Chính